

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2019/HS-ST**
Ngày: 19-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2019/TLST-HS ngày 10/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 07/6/2019, đối với bị cáo:

Phạm Văn D, sinh năm 1999, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã T L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V (đã chết) và bà Lã Thị M, sinh năm 1962; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn T T, sinh năm 1962 (đã chết).

- Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Anh Nguyễn T C, sinh năm 1988 (có mặt);

3. Anh Nguyễn C B, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ x, Ấp y, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lã V K, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn K T, xã L Đ, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D có giấy phép lái xe hạng A1, do sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/12/2017 có giá trị không thời hạn.

Khoảng 09 giờ, ngày 21/12/2018, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô biển số 49H1-239.35 lưu thông trên đường T L theo hướng xã T L đi Quốc lộ 20. Khi đến

Km 26+800m thuộc Ấp 2, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Dũng phát hiện ông Nguyễn T T điều khiển xe đạp đi cùng chiều phía trước. Dũng điều khiển xe mô tô sang phần đường bên trái để vượt xe đạp của ông T, khi khoảng cách giữa hai xe còn khoảng 03m đến 04m thì ông T điều khiển xe đạp sang phần đường bên trái, do khoảng cách gần Dũng không kịp giảm tốc độ nên xe mô tô của Dũng đã đụng vào xe đạp của ông T gây tai nạn giao thông. Hậu quả, ông Nguyễn T T chết tại bệnh viện.

Hiện trường thể hiện: Mặt đường nhựa rộng 05m30, chia làm 02 chiều lưu thông, được phân cách bằng vạch sơn màu vàng, đứt quãng. Xe mô tô biển số 49H1-239.35 và xe đạp nằm bên phần đường bên trái; đầu vết trượt của xe mô tô cách mép trái đường 2m20, đầu vết trượt của xe đạp cách mép trái đường 1m60. Xác định vị trí xảy ra vụ tai nạn giao thông thuộc phần đường bên trái so với chiều lưu hành của xe do Phạm Văn D điều khiển.

Bản Kết luận Giám định pháp y về tử thi số: 387/TT/2018 ngày 21/01/2019 của Trung tâm pháp y Đồng Nai đã kết luận ông Nguyễn T T chết là do chấn thương sọ não gây tụ máu ngoài màng cứng vùng thái dương phải, tụ máu dưới màng cứng vùng thái dương phải, tụ máu trong não thất, dập xuất huyết não trán thái dương phải diện rộng, phù não nặng dẫn đến thoát vị não qua vết mổ.

Tại bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSTP-ĐN ngày 08/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo D. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về mức hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D, mức án tù: 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

- Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô biển số 49H1 – 239.35 cho bị cáo và trả xe đạp cho bà Hoàng Thị T (vợ ông T).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường 100.000.000 đồng và đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:

- Lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại bà Hoàng Thị T và anh Nguyễn T C:

Ông Nguyễn T T là chồng của bà và là cha của anh Nguyễn T C. Ông T có 02 người con là Nguyễn T C, sinh năm 1988 và Nguyễn C B, sinh năm 1994. Khi tai nạn xảy ra, bà và các con đều không chứng kiến, hậu quả ông T đã chết. Bị

cáo có đến thăm hỏi và bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, bà T cùng các con tự nguyện làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa, bà T và anh C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu nào khác.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lã V K: Xe mô tô biển số 49H1-239.35 là do anh mua và đứng tên trong đăng ký xe vào năm 2015. Năm 2017, anh đã bán xe cho bị cáo nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho bị cáo. Khi tai nạn xảy ra, anh không chứng kiến và xe mô tô đã bán cho bị cáo nên anh không có ý kiến, yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội:

Khoảng 09 giờ ngày 21/12/2018, Phạm Văn D có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô biển số 49H1-239.35 lưu thông trên đường theo hướng T L đi Quốc lộ 20. Bị cáo điều khiển xe với vận tốc 50 - 60 km/giờ, khi đến đoạn Km 26+800m thuộc Ấp 2, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, đây là đoạn đường thẳng, thời tiết nắng, vắng người qua lại. Bị cáo phát hiện có xe đạp do ông T điều khiển đi cùng chiều phía trước nên điều khiển xe mô tô vượt qua. Do không bấm còi báo hiệu để vượt, khi còn cách xe đạp khoảng 03m đến 04 m, ông T điều khiển xe đạp qua phần đường bên trái, bị cáo không giảm tốc độ đã đụng vào xe đạp gây tai nạn giao thông. Hậu quả, ông Nguyễn T T chết tại bệnh viện. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật giao thông đường bộ.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi bị cáo đã thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, khi tham gia thông, bị cáo không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, đã gây tai nạn giao thông làm cho ông Nguyễn T T chết. Hành vi đó không những ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng của người khác mà còn gây hoang mang, lo sợ cho những người tham gia giao thông, làm mất trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, nhằm giáo dục bị

cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần xử lý bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đại diện hợp pháp của bị hại đã viết đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại có một phần lỗi do thiếu chú ý quan sát trước khi chuyển hướng xe, đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự tuyên cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3.] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo và gia đình bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong. Đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 49H1 – 239.35 đã trả cho bị cáo và xe đạp đã trả cho bà Hoàng Thị T (vợ ông T) là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 giấy phép lái xe số: 750178023175 do sở Giao thông – Vận tải tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/12/2017 mang tên bị cáo nên cần trao trả lại cho bị cáo.

[5.] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đề nghị tuyên mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Phạm Văn D 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại hình thụ hình.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015:

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn D 01 giấy phép lái xe số: 750178023175 do sở Giao thông – Vận tải tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/12/2017.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/6/2019 giữa Tòa án nhân dân huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo D, bà T, anh C, anh K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA; Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi